

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 7 - 2023
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Thiện
- Bà Trần Ngọc Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số 516/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự

Nguyên đơn: Bà NTT, sinh năm 1993; thường trú: Xóm ST, xã PT, huyện TC, tỉnh N; tạm trú: 114/2, khu phố 1B, phường AP, thành phố TA, tỉnh B, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông TKT1, sinh năm 1992; thường trú: Xóm ST, xã PT, huyện TC, tỉnh N; tạm trú: 114/2, khu phố 1B, phường AP, thành phố TA, tỉnh B, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thủy trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Thanh Liêm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An vào ngày 04 tháng 02 năm 2016, theo giấy chứng nhận kết hôn số 16. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nguyên nhân vợ chồng bất đồng qua điểm sống, thường

xuân cãi vã nhau, ông T1 sống gia trưởng, bà T dùng ngôn từ không phù hợp dẫn đến có lần ông T1 tát tai bà, ông T1 có người phụ nữ bên ngoài, ông T1 đi làm nhưng không mang tiền về phụ bà chăm các con, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Việc bà T có thai là do bà có bệnh nên bà chấm dứt thai kỳ, bệnh viện nơi bà chấm dứt thai kỳ bà không nhớ nên không thể cung cấp địa chỉ cho tòa án, sau khi bà chấm dứt thai kỳ không có nói cho ông T1 biết nên vợ chồng ngày càng lục đục. Nay bà T xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con là TTT2 sinh ngày 25/6/2018 và TNQ, sinh ngày 05/9/2020. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung NTQ sinh ngày 05/9/2020, đồng ý giao con chung TTT2, sinh ngày 25/6/2018 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà Thủy bận công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông TKT1 trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của bà T về thời gian, điều kiện kết hôn và thời gian chung sống. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn lớn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống gia đình, ông vẫn làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, phụ vợ phát triển kinh tế gia đình, khi có dịch covid thì bà T có thai, không báo cho ông biết mà tự ý đi bệnh viện phá thai, vì công việc chạy xe container và buồn bực nên ông ăn ngủ trên xe, không về với vợ, lúc này gần tết âm lịch 2023 bà T tự ý về quê mà ông không về cùng, ông có qua nhà mẹ vợ năn nỉ nhưng bà T không về với ông, ông và bà T ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2022 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Hiện nay ông không muốn con sống trong tình trạng bố mẹ ly hôn, xa cha xa mẹ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con là TTT2, sinh ngày 25/6/2018 và NQ sinh ngày 05/9/2020. Trường hợp tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn thì ông đồng ý để bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung TNQ, sinh ngày 05/9/2020, ông T đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung TTT3, sinh ngày 25/6/2018, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông Tiên bận công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông TKT1 hiện đang cư trú tại địa chỉ 114/2 khu phố 1B, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bà T và ông T1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện tìm hiểu chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà T trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông T1 sống gia trưởng, bà Thủy dùng ngôn từ không phù hợp dẫn đến có lần ông Tiến tát tai bà, ông Tiến có người phụ nữ bên ngoài, ông Tiến đi làm nhưng không mang tiền về phụ bà chăm các con, vợ chồng sống ly thân, từ tháng 5 năm 2021 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Việc bà T có thai là do bà có bệnh nên bà chấm dứt thai kỳ, bệnh viện nơi bà chấm dứt thai kỳ bà không nhớ nên không thể cung cấp địa chỉ cho tòa án, sau khi bà chấm dứt thai kỳ không có nói cho ông T1 biết nên vợ chồng ngày càng lục đục. Ông T1 trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do bà T có bầu, không báo cho ông biết mà tự ý đi bệnh viện phá thai, vì công việc chạy xe container và buồn bực nên ông ăn ngủ trên xe, không về với vợ, lúc này gần tết âm lịch 2023 bà T tự ý về quê mà ông không về cùng, ông có qua nhà mẹ vợ năn nỉ nhưng bà T không về với ông. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Ông bà đã có thời gian sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống, do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà

T về việc ly hôn với ông T1

Về con chung: Bà T và ông T1 thống nhất trong trường hợp tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn thì bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung TNQ, sinh ngày 05/9/2020, ông T1 đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung TTT2, sinh ngày 25/6/2018, không ai phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự tự nguyện của bà T, ông T1

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều a Khoản 1 Điều 35; Điều a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà NTT đối với bị đơn ông TKT1

- Về quan hệ hôn nhân: Bà NTT được ly hôn với ông TKT1

- Về con chung: Giao con chung TNQ, sinh ngày 05/9/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung. Giao con chung TTT2, sinh ngày 25/6/2018 cho ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà NTT phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004575 ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS tp Thuận An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Vũ Thị Nhâm